

Số: 29/2024/QĐST-HNGĐ

Quang Bình, ngày 10 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Hà Năng Th; sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; Căn cước công dân số 030095***670 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 14/5/2023.

- Bị đơn: Chị Lường Thị T; sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn Th, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Căn cước công dân số 00219***9096 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 08/9/2022.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/5/2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/5/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hà Năng Th và chị Lường Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Năng Th và chị Lường Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị Lường Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà

Năng T, sinh ngày 24/8/2020. Anh Hà Năng Th cấp dưỡng cho chị Lương Thị T nuôi cháu Hà Năng T số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi cháu Tùng đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

c. Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Anh Hà Năng Th chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002311 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THA dân sự huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Phương